

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kế hoạch bảo trì định kỳ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi năm 2025
các công trình thủy lợi do cấp tỉnh quản lý**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định quản lý, phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 814/QĐ UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 69/TTr-SNN ngày 12 tháng 4 năm 2025 và ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 1721/STC-QLNS ngày 16 tháng 4 năm 2025 về phê duyệt Kế hoạch bảo trì định kỳ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi năm 2025 các công trình thủy lợi do cấp tỉnh quản lý.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch bảo trì định kỳ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi năm 2025 do cấp tỉnh quản lý (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ tài sản kết cấu hạ tầng các công trình thủy lợi thuộc nguồn Sự nghiệp thủy lợi theo Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm:

1. Tổ chức triển khai thực hiện nội dung bảo trì định kỳ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi năm 2025 theo kế hoạch được duyệt đảm bảo đúng các tiêu chuẩn, định mức, quy trình kỹ thuật và quy định của pháp luật về thủy lợi, quản lý sử dụng tài sản công, xây dựng và quy định pháp luật khác có liên quan nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của tài sản, bảo đảm hoạt động bình thường và an toàn khi sử dụng.

2. Theo dõi, kiểm tra, giám sát và hướng dẫn đơn vị thực hiện bảo trì định kỳ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi năm 2025 theo kế hoạch được duyệt đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác của các thông tin, số liệu và nội dung kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi năm 2025.

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, KTTH, KTN.NVH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Tháp

Phụ lục**KẾ HOẠCH BẢO TRÌ ĐỊNH KỲ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI NĂM 2025***(Kèm theo Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)**ĐVT: 1.000 đ*

TT	Loại tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (Tên công trình)	Khối lượng công việc	Tổng kinh phí	Nguồn kinh phí	Phương thức nghiệm thu và thanh toán
	BẢO TRÌ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI		8.127.000		
I	Thành phố Kon Tum		1.826.159		
1	Sửa chữa tràn xả lũ công trình Hồ chứa Đăk Rơ Wa, xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.	Khối lượng công việc được tính toán trên cơ sở các Biên bản hiện trạng của từng công trình kèm theo	100.455	Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ tài sản kết cấu hạ tầng các công trình thủy lợi	Theo khối lượng công việc thực tế thực hiện
2	Sửa chữa kênh và công trình trên kênh Hồ chứa Đăk Yên, Xã Hòa Bình, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum		236.162		
3	Sửa chữa hư hỏng các tuyến kênh công trình Hồ chứa Ia Bang Thượng, xã Hòa Bình, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.		140.958		
4	Sửa chữa hư hỏng công trình Hồ chứa Đăk Phát 1, Đăk Cấm, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum		25.580		
5	Sửa chữa tràn xả lũ Đập Đăk Phát 2, xã Đăk Cấm, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum		33.989		
6	Sửa chữa kênh và công trình trên kênh Hồ chứa Đăk Loy, xã Đăk Cấm, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum		50.074		
7	Sửa chữa các tuyến kênh công trình Hồ chứa Đăk Chà Mòn 1, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum		122.972		
8	Sửa chữa kênh và công trình trên kênh Đập Đăk Ka Well, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum		98.236		
9	Sửa chữa đường ống Trạm bơm chuyển tiếp nước hồ Tân Điền và van nệm cống lấy nước Hồ chứa Tân Điền Xã Đoàn Kết, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum		87.405		
10	Sửa chữa cánh cửa tràn xả lũ Đập Đăk Tía, xã Đoàn Kết, thành phố		150.000		

TT	Loại tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (Tên công trình)	Khối lượng công việc	Tổng kinh phí	Nguồn kinh phí	Phương thức nghiem thu và thanh toán
	Kon Tum, tỉnh Kon Tum				
11	Sửa chữa, bổ sung đường ống tiếp nước chống hạn và sửa chữa van nôm cống lấy nước hồ Cà Tiên, Xã Đoàn Kết, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum		179.823		
12	Sửa chữa, bổ sung đường ống và máy bơm tiếp nước chống hạn cho trạm bơm Tà Wắc, xã Đăk Năng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum		245.094		
13	Sửa chữa, bổ sung đường ống và máy bơm tiếp nước chống hạn cho trạm bơm Tà Rập, xã Đăk Năng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum		70.000		
14	Đào bùn, đất các Trạm bơm điện trên địa bàn thành phố Kon Tum để phục vụ sản xuất vụ Đông xuân 2024-2025		285.411		
II	Huyện Đăk Hà		790.545		
1	Sửa chữa kênh chính công trình Hồ chứa Thôn 9, Xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum	Khối lượng công việc được tính toán trên cơ sở các Biên bản hiện trạng của từng công trình kèm theo	76.327	Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ tài sản kết cấu hạ tầng các công trình thủy lợi	Theo khối lượng công việc thực tế thực hiện
2	Sửa chữa kênh chính Đập Đăk Mat, Xã Đăk Ui, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum		43.412		
3	Sửa chữa kênh và công trình trên kênh Đập Bà Tri, Xã Đăk La, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum		119.843		
4	Sửa chữa cầu máng số 01 trên kênh chính Đập Cà Ha, Xã Đăk La, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum		110.636		
5	Sửa chữa mặt đập Hồ chứa 6B, Xã Đăk Mar, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum		100.000		
6	Sửa chữa kênh chính Hồ chứa Cà Sâm, Xã Đăk La, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum		299.000		

TT	Loại tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (Tên công trình)	Khối lượng công việc	Tổng kinh phí	Nguồn kinh phí	Phương thức nghiem thu và thanh toán
7	Sửa chữa kênh và van nôm cống lấy nước đầu mồi Hồ chứa Đăk Prông, Xã Đăk Ui, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum		41.327		
III	Huyện Sa Thầy		988.495		
1	Sửa chữa kênh chính và Công trình trên kênh hồ chứa Đăk Sia I, xã Rờ Koi, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum	Khối lượng công việc được tính toán trên cơ sở các Biên bản hiện trạng của từng công trình kèm theo	158.038	Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ tài sản kết cấu hạ tầng các công trình thủy lợi	Theo khối lượng công việc thực tế thực hiện
2	Sửa chữa kênh chính Đập Đăk Rơ Tim, xã Rờ Koi, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum		111.756		
3	Sửa chữa kênh chính Đập Ba Đốc 1, xã Sa Sơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum		79.458		
4	Sửa chữa kênh chính Đập Đăk Ngao 2, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum		21.782		
5	Sửa chữa đầu mồi, hệ thống kênh Đập Le Rơ Mâm, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum		278.013		
6	Sửa chữa kênh chính Đập Đăk Đăk Plôm 1, xã Rờ Koi, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum		105.000		
7	Sửa chữa kênh N2 Đập Làng Lung, xã Ya Siêr, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum		234.448		
IV	Huyện Ngọc Hồi		824.913		
1	Sửa chữa kênh chính Hồ chứa Đăk Hơ Niêng, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum	Khối lượng công việc được tính toán trên cơ sở các Biên bản hiện trạng của từng công trình kèm theo	298.550	Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ tài sản kết cấu hạ tầng các công trình thủy lợi	Theo khối lượng công việc thực tế thực hiện
2	Sửa chữa van nôm Hồ chứa Măng Tôn, Xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum		21.384		
3	Sửa chữa hư hỏng Đập Đăk Nông, xã Đăk Xú, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum		284.914		
4	Sửa chữa Đập Đăk Trùi, xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum		138.769		

TT	Loại tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (Tên công trình)	Khối lượng công việc	Tổng kinh phí	Nguồn kinh phí	Phương thức thử nghiệm thu và thanh toán
5	Sửa chữa kênh chính Đập Đăk Gráp, xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum		81.296		
V	Huyện Đăk Glei		533.906		
1	Sửa chữa Đập Tin	Khối lượng công việc được tính toán trên cơ sở các Biên bản hiện trạng của từng công trình kèm theo	234.906	Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ tài sản kết cấu hạ tầng các công trình thủy lợi	Theo khối lượng công việc thực tế thực hiện
2	Sửa chữa Đập Đăk Pam		299.000		
VI	Huyện Kon Rẫy		725.167		
1	Sửa chữa kênh chính Đập Đăk Tơ Lung, xã Đăk Tơ Lung, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum	Khối lượng công việc được tính toán trên cơ sở các Biên bản hiện trạng của từng công trình kèm theo	218.988	Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ tài sản kết cấu hạ tầng các công trình thủy lợi	Theo khối lượng công việc thực tế thực hiện
2	Sửa chữa công trình trên kênh Đập Đăk Toa, xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum		101.836		
3	Sửa chữa xi phông số 03 trên kênh chính Đập Kon Bo Del, xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum		290.679		
4	Sửa chữa kênh chính Đập Đăk A Kôi, xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum		25.657		
5	Sửa chữa tràn xả lũ Đập Đăk Gu, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum		88.007		
VII	Huyện Kon Plông		698.222		
1	Sửa chữa cầu máng số 01 trên kênh chính Đập Đăk Răng, xã Pờ Ê, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum	Khối lượng công việc được tính toán	7.610	Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa	Theo khối lượng công việc thực tế
2	Sửa chữa kênh chính Đập Đăk Rơ Ne, xã Hiếu, huyện Kon Plông,		290.796		

TT	Loại tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (Tên công trình)	Khối lượng công việc	Tổng kinh phí	Nguồn kinh phí	Phương thức thử nghiệm thu và thanh toán
	tỉnh Kon Tum	trên cơ sở các Biên bản hiện trạng của từng công trình kèm theo		định kỳ tài sản kết cấu hạ tầng các công trình thủy lợi	thực hiện
3	Sửa chữa kênh chính Đập Đăk Long, xã Đăk Hiếu, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum		140.793		
4	Sửa chữa cửa ra cầu máng số 02 Đập Đăk Leng 2, thị trấn Kon Plông, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum		51.198		
5	Sửa chữa cống tưới số 06 trên kênh N1 Đập Đăk Liêng, xã Măng Bút, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum		36.110		
6	Sửa chữa tuyến đường ống chính Hồ chứa Đăk Khe, thị trấn Kon Plông, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum		68.606		
7	Sửa chữa kênh chính Đập Nam Vo, xã Đăk Nền, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum		103.109		
VIII	Huyện Đăk Tô		526.958		
1	Sửa chữa kênh chính Đập Đăk Blô, xã Diên Bình, Huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum	Khối lượng công việc được tính toán trên cơ sở các Biên bản hiện trạng của từng công trình kèm theo	25.000	Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ tài sản kết cấu hạ tầng các công trình thủy lợi	Theo khối lượng công việc thực tế thực hiện
2	Sửa chữa kênh chính Đập Cầu Ri, xã Diên Bình, Huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum		25.000		
3	Sửa chữa cầu máng số 01 trên kênh chính Đập Hồ Sen, thị trấn Đăk Tô, Huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum		86.748		
4	Sửa chữa kênh chính công trình Đập Đăk Chu		46.435		
5	Sửa chữa kênh chính Đập Kon Cheo, Thị trấn Đăk Tô, Huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum		22.767		
6	Sửa chữa kênh chính Đập Đăk Lung, xã Kon Đào, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum		88.801		
7	Sửa chữa đường ống kênh chính Hồ chứa nước Đăk Lin, xã Pô Kô, Huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum		31.593		

TT	Loại tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (Tên công trình)	Khối lượng công việc	Tổng kinh phí	Nguồn kinh phí	Phương thức nghiem thu và thanh toán
8	Sửa chữa kênh chính Đập Đăk Xây, xã Ngọc Tụ, Huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum		15.675		
9	Sửa chữa kênh chính Đập Đăk Chờ 1, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum		49.040		
10	Sửa chữa kênh chính Hồ chứa Nước Rin, xã Kon Đào, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum		26.572		
11	Sửa chữa cống lấy nước Đập Tà Cang, xã Diên Bình, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum		80.000		
12	Sửa chữa kênh chính Đập Đăk Manh 1, xã Đăk Rơ Nga, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum		29.327		
IX	Huyện Tu Mơ Rông		232.635		
1	Sửa chữa hư hỏng Hồ chứa Đăk Trang, xã Đăk Rơ Ông, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum	Khối lượng công việc được tính toán trên cơ sở các Biên bản hiện trạng của từng công trình kèm theo	172.635	Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ tài sản kết cấu hạ tầng các công trình thủy lợi	Theo khối lượng công việc thực tế thực hiện
2	Sửa chữa van nôm Cống lấy nước Hồ chứa Đăk Hnia, xã Đăk Rơ Ông, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum		60.000		
X	Kinh phí dự kiến sửa chữa các công trình phát sinh hư hỏng trong quá trình vận hành khai thác		980.000		

****Lưu ý:** Dự toán kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi các hạng mục công trình chỉ làm cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch bảo trì, không làm cơ sở để thanh quyết toán; giá trị thanh quyết toán kinh phí bảo trì theo khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Trong quá trình triển khai thực hiện có thể điều chỉnh kinh phí giữa các hạng mục nhưng không vượt tổng kinh phí bảo trì đã phê duyệt.*